

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
895	205 Nguyễn Thị Hương		10/12/1965	242-K1	270572377	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
896	206 Nguyễn Văn Hùng	5/5/1968		Tổ 10-KP2	272497250	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
897	207 Vũ Văn Đàm	29/05/1981		Tổ 4-KP2	Bệnh không làm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
898	208 Trần Phi Hùng	19/07/1994		Tổ 7-KP2	Khai sinh	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
899	209 Dương Minh Đức	18/02/1970		479-K3	270857889	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
900	210 Trần Đại Nhân	26/10/1992		418-KP3	272422073	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
901	211 Tăng Hành	0/0/1980		53 - KP 5	271367382	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
902	212 Nguyễn Anh Tài	7/4/1996		908-KP5	Bệnh không làm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
903	213 Lê Ngọc Minh	3/1/1966		821-KP 4	270857840	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
904	214 Phạm Trung Kiên	25/03/1982		09-K 1	271463874	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
905	215 Lê Thanh Lâm	1/1/1974		679-K 3	271210352	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
906	216 Phạm Thị Hằng		22/08/1966	190-K1	270651455	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
907	217 Lê Đăng Hoàng	10/12/1965		122-K3	270573848	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
908	218 Lê Hùng Minh	1/1/1966		57- K 1	270724780	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
909	219 Nguyễn Đức Phú	9/4/1969		484- K3	Bệnh không làm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
910	220 Mai Thị Thủy Hằng		3/2/1967	544-K 3	270724893	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
911	221 Lý Hùng Quân	30/01/1990		227- K 3	Bệnh không làm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
912	222 Trương Văn Khánh	13/06/1973		613- K3	271228237	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
913	223 Lý Bảo Lộc	27/03/1982		616-K3	Bệnh không làm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
914	224 Lý Đà Lạt	18/02/1985		616-K3	271836116	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
915	225 Huỳnh Đạt Phúc	7/3/1982		151C-K1	271603376	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
916	226 Phùng Hải Hòa	3/9/1973		Tổ 4-KP 2	271678860	Khuyết tật nặng	450.000	600.000 số	900.000đ vé
917	227 Hồ Văn Trình	1/7/1983		684 HBT-KP 3	271502005	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
918	228 Nguyễn Văn Quyền	10/1/1978		Tổ 5-K 2	271917505	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
919	229 Nguyễn Thị Mai Quỳnh		7/11/1971	939-K2	271075879	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
920	230 Lê Văn Trung	1/1/1966		191/73 KP 1	271836898	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
921	231 Trần Hữu Tèo	11/11/1996		Tổ 12 KP 2	272496441	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
922	232 Nguyễn Văn Tuấn	26/6/1994		189/69/6- tổ 7- KP1	272905235	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
923	233 Bùi Nê	03/01/1964		841 -KP2 - P.XH	272614092	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
924	234 Nguyễn Thị Huệ		2/28/1979	Tổ 8, KP2	272634829	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
925	235 Nguyễn Anh Dũng	10/3/1966		53, QT, KP1	270857850	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4	PHƯỜNG XUÂN THANH								
926	1 Lê Văn Sao	1925		271988873	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
927	2 Nguyễn Thị Lộc		1925	270564725	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
928	3 Trần Thanh Phong	1925		270564514	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
929	4 Đinh Thị Dung		1928	272014464	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
930	5 Nguyễn Thị Mai		1930	270564796	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
931	6 Dương Thị Lý		1931	270537431	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
932	7 Nguyễn Thị Chung		1932	270538857	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
933	8 Nguyễn Thị Nây		1932	370295077	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
934	9 Phan Thị Thơi		1932	270816366	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
935	10 Hồ Thị Tề		1922	270564262	Tổ 20B, Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
936	11 Hoàng Thằng Quảng	1923		270564699	Tổ 19, Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
937	12 Phan Thị Thiết		1922	270565177	Tổ 24, Kp2	Người cao tuổi	300.000	500.000	Chết ngày 22/4/2020
938	13 Nguyễn Văn Dung	1930		270570464	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
939	14 Lê Thị Trước		1930	270565109	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
940	15 Đỗ Thị Cúc		1926	270724313	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
941	16 Hồ Văn Lưc	1930		270564237	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
942	17 Phạm Thị Thơm		1930	271317600	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
943	18 Múc Thị Slin		1930	270564551	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
944	19 Nguyễn Thị Thái		1931	270214822	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
945	20 Lý Thị Lộc		1928	270564867	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
946	21 Nguyễn Thị Đèo		2/2/1929	272423515	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
947	22 Lương A Sám	1931		270564273	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
948	23 Trần Thị Thán		1932	190028632	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
949	24 Phan Kim Liên	1932		270857239	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
950	25 Ngô Thị Duyên		1924	270565424	Tổ 5, Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
951	26	Vòng Cẩm Công	1921	270565726	Tổ 6,Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
952	27	Lê Thị Chung		1930	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
953	28	Lý Viết Lê	1928	270565846	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
954	29	Loan Quốc Anh	1926	270565483	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
955	30	Võ Xuân Khương	1926	270565566	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
956	31	Phan Thị Hòe		1926	272423575	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
957	32	Lý Văn Nam	1931	270565448	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
958	33	Phan Thị Thường		1930	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
959	34	Nguyễn Đình Trữ	1932	270565446	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
960	35	Lê Thị Núi		1922	Tổ 10, Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
961	36	Ngô Thị Mến		1923	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
962	37	Trần Thị Thới		1919	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
963	38	Đặng Thanh Sơn	1930	Không có CMN	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
964	39	Phan Thanh Cần	1927	271917343	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
965	40	Nguyễn Thị Vun		1926	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
966	41	Nguyễn Thị Thùy Nga		1927	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
967	42	Nguyễn Thị Liên		1928	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
968	43	Lê Đình Chiến	2/3/1932	272496895	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
969	44	Trần Thị Đỏ		1932	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
970	45	Ngô Thị Dương		1932	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
971	46	Ngô Thị Thống		1933	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
972	47	Nguyễn Hạnh Van		1928	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
973	48	Trần Văn Hên	1/1/1933	270564485	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
974	49	Võ Thị Càn		1933	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
975	50	Hoang Thị Y		1933	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
976	51	Lương Thị Khô		1933	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
977	52	Võ Thị Hoa		5/1933	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
978	53	Hoàng Thị Thứ		6/1933	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
979	54	Vũ Văn Đình	20/10/1927	270528045	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
980	55	Hồ Thị Phong		1934	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
981	56	Đoàn Văn Ngân	1934	272047801	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
982	57	Phan Thị Chanh		1934	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
983	58	Nguyễn Thị Phú	2/5/1934	270572305	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
984	59	Chương Phố Cù	5/5/1934	Không có CMN	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
985	60	Đặng Văn Đề	1928	270881614	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
986	61	Hoàng Thị Soan	5/7/1934	270565085	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
987	62	Lương Thị Gái	10/6/1934	270572299	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
988	63 Nguyễn Thị Đàm		1/1/1935	270565597	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
989	64 Nguyễn Thị Xuân		1/1/1935	171718764	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
990	65 Bùi Thị Khuê		2/6/1934	174154085	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
991	66 Vũ Văn Đăng	6/4/1935		270565873	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
992	67 Nguyễn Thị Diễm		1/1/1935	270565458	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
993	68 Đoàn Thị Suy		10/7/1935	270572006	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
994	69 Trần Thị Tội		8/8/1935	270564826	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
995	70 Nguyễn Thanh Liêm	23/6/1935		270564531	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
996	71 Nguyễn Thị Phú		1/1/1935	270564383	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
997	72 Phan Năng	1/1/1936		270565180	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
998	73 Lê Loan	1/1/1936		270960905	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
999	74 Phạm Thị Nhin		1/1/1936	270564685	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1000	75 Lô Thị Vàng		9/10/1935	270565552	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1001	76 Lê Quang Tài	17/11/1935		270565422	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1002	77 Nguyễn Thị Quyên		1/1/1936	270537338	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1003	78 Trần Lương	20/02/1936		270568195	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1004	79 Vương Thái Hình	20/3/1936		271988093	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1005	80 Trần Thị Sinh	1/1/1936		272790682	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1006	81 Diệp Huệ Quang	9/4/1936		270669952	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1007	82 Hoàng Thị Trà	20/6/1936		270360145	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1008	83 Hoàng Văn Lộc	1/1/1936		270723727	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1009	84 Nguyễn Thị Đăng		1/1/1937	272014539	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1010	85 Phạm Thị Giáo		1/1/1937	270565623	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1011	86 Phạm Thị Dương		1/1/1937	không có CMN	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1012	87 Trần Thị Thắm		1/1/1937	270582794	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1013	88 Nguyễn Thị Mầu		1/1/1937	270564484	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1014	89 Nguyễn Văn Chúc	1/1/1937		271086351	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1015	90 Lê Tỷ	1/1/1937		270564950	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1016	91 Nguyễn Thị Đề		30/3/1937	270565447	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1017	92 Ngô Xuân Cừ	12/3/1937		272255583	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1018	93 Lê Thị Tuy		1/1/1937	270372089	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1019	94 Nguyễn Thị Hoà		15/7/1937	270565709	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1020	95 Nguyễn Thị Đéo		5/8/1937	270550525	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1021	96 Bùi Cường	16/8/1937		270565326	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1022	97 Nguyễn Văn Chiêu	10/10/1937		270565757	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1023	98 Nguyễn Thị Nén		12/10/1937	270565740	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1024	99 La Thị Vui		1/1/1938	270564238	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1025	100 Lê Thị Tâm		1/1/1938	272634507	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1026	101 Vy Đức Thanh	1/1/1938		270564472	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1027	102 Hoàng Thị Thông		1/1/1938	272549935	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1028	103 Chê Lý Mùi		20/4/1938	270564274	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1029	104 Nguyễn Như Ngọc	5/12/1938		270565063	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1030	105 Dương Thị Hương		6/6/1938	270564526	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1031	106 Nguyễn Nho Hình	7/3/1938		270137161	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1032	107 Trương Thị Cam		4/4/1938	270961004	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1033	108 Đỗ Thị Tâm		8/1/1938	271316706	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1034	109 Đoàn Phát Lâm	11/19/1938		270565564	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1035	110 Lê Thị Mít		1/1/1939	272256511	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1036	111 Lương Thị Hương		5/25/1933	200117689	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1037	112 Hà Thị Nhít		1/5/1939	270565427	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1038	113 Nguyễn Thị Tành		1/1/1939	270564969	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1039	114 Nguyễn Hưu Ngọc	1/11/1939		271075780	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1040	115 Nguyễn Thị Mai		1/1/1939	272137923	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1041	116 Đoàn Thị Kiêm		1/1/1932	276034203	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1042	117 Hồ Thị Dưa		1/1/1936	190014912	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1043	118 Nguyễn Tân Nhuận	9/2/1939		272137863	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1044	119 Nguyễn Thị Thệt		3/7/1937	270565327	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1045	120 Đỗ Thị Hương		11/11/1939	270918928	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1046	121 Lê Thị Viên		10/20/1939	272614845	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1047	122 Lê Thị Hiền		1/1/1940	271048911	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1048	123 Nguyễn Viết Tâm	1/17/1940		270580221	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1049	124 Lý Văn Song	1/11/1940		270565848	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1050	125 Trương Thị Gái		1/1/1939	271758574	Kp1	Người cao tuổi	300.000	600.000 số	900.000d vé
1051	126 Đinh Thị Vài		1/1/1940	270565603	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1052	127 Trần Thị Hai		2/10/1940	270565864	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1053	128 Trương Thu	4/20/1938		271306039	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1054	129 Lê Thị Kim Hoàng		4/10/1940	271836772	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1055	130 Phạm Thị Thêm		4/20/2020	271917344	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1056	131 Vy Tiên Cam	1929		270564825	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1057	132 Nguyễn Thị Mùi		1945	không có CMN	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1058	133 Võ Hữu Nghĩa	1952		271917957	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1059	134 Nguyễn Văn Chức	1946		272163330	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1060	135 Hoàng Thi Lâu		1928	270565963	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1061	Vũ Thị Nụ		1945	không có CMN	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1062	Nguyễn Hoàng	1927		270565276	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	500.000	Chết ngày 4/4/2020
1063	Hoàng Thị Bón		1929	270565223	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1064	Trần Thị Nam		1930	270564360	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1065	Loan Văn Ký	26/6/1946		270565674	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1066	Trương Tấn Bình	22/4/1950		170011731	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1067	Lã Văn Am	1/1/1936		270816325	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1068	Nguyễn Tiến Lua	1/10/1952		Không có CMN	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1069	Hoàng Thị Thìn		28/8/1952	271397606	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1070	Huyền Văn Quan	1930		270565341	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1071	Nguyễn Thị Hiếu		1933	270565184	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1072	Lê Thị Hồng		1/1/1945	270961072	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1073	Nguyễn Thị Xảo		1930	270564947	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1074	Nguyễn Thị Thảo		1931	272423615	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1075	Nguyễn Núi	22/4/1930		285449002	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1076	Võ Thị Nguyệt		10/10/1935	270565900	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1077	Trần Thị Tú		25/9/1954	270565149	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1078	Huyền Thị Tuyết		1930	270565475	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1079	Đoàn Thị Bông		1922	270565454	Tổ 25, Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	500.000	Chết ngày 01/4/2020
1080	Đặng Thị Vệt		1926	không có CMN	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1081	Trần Thị Dương		1930	190407001	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1082	Phan Hoàng Phi		1/1/1930	270565544	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1083	Phạm Thị Gái		11/9/1941	272497093	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1084	Nguyễn Văn Minh	1927		270564358	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1085	Đặng Ngọc Hậu	5/10/1954		271164724	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1086	Trần Thọ	1/1/1933		270960983	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1087	Mai Xuân Vinh	2/27/1958		271113378	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1088	Hồ Thị Định		24/03/1934	272496401	Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1089	Lê Thị Ba		1/1/1940	270564874	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1090	Trần Thị Gấm		8/15/1939	không có CMN	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1091	Nguyễn Mạnh Hùng	9/6/1959		271444794	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1092	Trần Văn Sấm	1930		270572220	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1093	Vy Văn Pầu	11/17/1959		270565745	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1094	Trần Gia Huy	30/10/2005		Còn nhỏ	Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1095	Phạm Minh Khang	24/12/2012		Còn nhỏ	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1096	171 Mai Hữu Nhất Duy	24/4/2015		Còn nhỏ	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1097	172 Chu Khai Thanh	7/3/2013		Còn nhỏ	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1098	173 Trần Ngọc Khôi Nguyên	17/1/2016		Còn nhỏ	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1099	174 Ngô Đức An Khang	18/9/2012		Còn nhỏ	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1100	175 Nguyễn Văn Tuấn	1983		Không có CMN	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1101	176 Nguyễn Trần Thùy Hằng		1991	không có CMN	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1102	177 Nguyễn Thị Lan Anh		1990	271975804	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1103	178 Nguyễn Thị Ngọc Nga		1992	270525761	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1104	179 Hoàng Thùy Phương Thảo		1983	không có CMN	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1105	180 Bé Ngọc Hoan	1971		270917371	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1106	181 Nguyễn Thị Quỳnh Mai		1992	272336663	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1107	182 Bùi Thị Kim Thu		1981	không có CMN	Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1108	183 Bùi Chương	1964		Không có CMN	Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1109	184 Trần Minh Toàn	1994		Không có CMN	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1110	185 Phạm Thị Hoài Thanh		1993	272497433	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1111	186 Phan Tiến Quân	1990		272081991	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1112	187 Võ Ngọc Nhung	1963		272137987	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1113	188 Nguyễn Văn Hùng Phương	1994		272336246	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1114	189 Hồ Ngọc Tùng	1975		271228334	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1115	190 Nguyễn Thị Oanh		1967	271806154	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1116	191 Thủ Đạo Sum	1968		271047155	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1117	192 Phạm Xuân Tiến	20/7/1963		271114956	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1118	193 Phạm Anh Tuấn	16/3/1978		183057539	Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1119	194 Nguyễn Hoài Ân	24/11/1990		Không có CMN	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1120	195 Nguyễn Văn Tùng	1966		271850141	Tổ 7, Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1121	196 Lê Thị Xuân Lan	1/1/1967		270561939	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1122	197 Phạm Văn Thận	1/1/1964		272042968	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1123	198 Vy Văn Dũng	12/2/1972		271075912	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	500.000	Chết ngày 01/4/2020
1124	199 Nguyễn Đình Cường	8/6/2002		Không có CMN	Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1125	200 Nguyễn Thị Khánh Như		21/10/2002	không có CMN	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1126	201 Nguyễn Hoàng Thanh Trúc		16/11/2002	không có CMN	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1127	202 Huỳnh Minh Châu	8/24/1960		271632975	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1128	203 Ninh Hồng Đức	8/6/2003		Không có CMN	Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1129	204 Đặng Minh Hùng	2/6/1969		270857441	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1130	205 Phan Văn Quyền	1941		270960902	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1131	206 Nguyễn Thị Trinh		1951	270568345	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1132	Nguyễn Văn Sỹ	1937		Không có CMND	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1133	Ngô Thị Lèo		1927	270564698	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1134	Lý Thị Hoàng		1934	270565812	Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1135	Nguyễn Văn Bé	1942		270538144	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1136	Huỳnh Thị Xuân		1908/1951	270560279	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1137	Nguyễn Tấn Vàng	1/12/1952		272040935	Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1138	Đàm Thị Thêm		1/1/1952	272813077	Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1139	Lê Thị Huệ		1949	290960891	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1140	Nguyễn Văn Phú	1/1/1956		271917378	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1141	Mai Văn Hòa	1/1/1956		271910199	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1142	Bùi Xuân Nhì	4/5/1941		270564817	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1143	Nguyễn Thị Ai		1956	270565203	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1144	Trần Văn Muồng	24/04/1934		270565185	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1145	La Văn Tài	20/02/1952		029883218	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1146	Nguyễn Thị Trang		1/1/1957	270564956	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1147	Trần Thị Dê		15/5/1940	272136973	Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1148	Trình Văn Thành	1958		270973029	Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1149	Nguyễn Thị Kim Tăng		30/7/1943	270564345	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1150	Trần Kế	4/25/1945		271806113	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	500.000	Chết ngày 26/4/2020
1151	Nguyễn Thị Hợi		1/1/1948	272335874	Kp4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1152	Nguyễn Văn Sen	1/1/1950		271642335	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1153	Phạm Thị Thuân		20/10/1958	270565695	Kp4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1154	Lê Thị Lý		15/8/1958	271988868	Kp4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1155	Nguyễn Hồng Giang	1/1/1947		271514030	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1156	Nguyễn Thị Hồng Mai		1/1/1955	270564922	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1157	Nguyễn Văn Khương	1/1/1955		270564645	Kp4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1158	Đinh Thị Thanh		3/3/1948	017237783	Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1159	Chu Văn Khuyển	8/27/1959		141445073	Kp4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1160	Nguyễn Lê Hoàng Yến		10/12/2005		Kp1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1161	Phạm Minh Sang	26/3/2007			Kp1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1162	Hồ Trung Thành	19/11/2009			Kp1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1163	Nguyễn Vũ Quỳnh Hương		19/10/2010		Kp3	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1164	Lao Trần Diễm Mỹ		8/20/2015		Kp3	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1165	Trần Ngọc Thiên An		11/26/2013		Kp2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1166	Trần Ngọc Thiên Tâm		11/26/2013		Kp2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1167	Vòng Minh Đạt	2/9/2013			Kp3	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1168	243 Nguyễn Phương Hạnh		1974	271048934	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1169	244 Hoàng Hòa	1967		270857502	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1170	245 Ngô Bích Phương		1982	271463513	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1171	246 Nguyễn Thanh Phương		1991	không có CMN	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1172	247 Nguyễn Thị Kim Hiếu		1974	không có CMN	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1173	248 Hồ Ngọc Hiệp	1993		271601930	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1174	249 Nguyễn Thị Hạnh		1966	272497226	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1175	250 Trần Duy Hưng	1984		271600344	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1176	251 Lê Thị Thu		1969	không có CMN	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1177	252 Đặng Ngọc Thanh	1988		271774034	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1178	253 Phạm Nhật Hiền	1996		không có CMN	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1179	254 Nguyễn Ngọc Cảnh	1968		270857544	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1180	255 Bùi Thị Thủy		1968	không có CMN	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1181	256 Nguyễn Phương Anh		1985	271603238	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1182	257 Hoàng Thị Linh Yến		1978	271316645	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1183	258 Hòa Anh Tuấn	1976		271395480	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1184	259 Phan Huỳnh Phương	10/1981		271404434	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1185	260 Phan Huỳnh Quang	3/1988		271835235	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1186	261 Nguyễn Văn Bình	1979		290960891	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1187	262 Trần Ngọc Châu	1982		271463544	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1188	263 Nguyễn Duy Liêm	12/10/1966		271718713	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1189	264 Lý Thị Ngọc		24/4/1966	270857280	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1190	265 Vũ Thị Liễu		1/1/1963	không có CMN	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1191	266 Trần Tuyết Ngọc		1998	không có CMN	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1192	267 Nguyễn Thành Hải	14/10/1961		270079735	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1193	268 Lý Ngọc Lợi	1967		270857408	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	600.000	900.000đ vé số
1194	269 Phạm Thanh Hưng	3/9/1996		272422350	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1195	270 Trương Dương Trường	1/1/1963		272614299	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1196	271 Ngô Quân Nghĩa	13/3/1991		272137104	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1197	272 Nguyễn Văn Bé	10/10/1963		271758806	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1198	273 Nguyễn Hưng	7/3/1972		270960900	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1199	274 Lê Thị Mỹ Dung		1/1/1962	272235982	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1200	275 Phan Minh Lâm	1/1/1961		270572093	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1201	276 Nguyễn Thị Thao		20/10/1976	272423254	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1202	277 Phan Đình Minh	10/10/1964		271917465	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1203	278 Phạm Gia Hoàn	7/8/2001		không có CMN	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1204	Nguyễn Văn Thế	29/3/1962		271113491	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1205	Đỗ Thị Hà		10/6/1983	164119894	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1206	Trần Thị Kim Hiếu		17/11/2001	không có CMN	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1207	Thái Doãn Vinh	6/10/1979		271704337	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1208	Trần Cao Hiệp	27/8/2002		Không có CMN	KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1209	Lê Thị Thơm		1/20/1967	270724512	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1210	Bàng Nguyễn	12/3/1982		271569485	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1211	Trương Thị Sư		1962	270565691	KP3	Khuyết tật nặng	450.000	600.000	900.000d vé số
1212	Bùi Thanh Phong	12/23/1976		320865108	Kp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1213	Lê Hùng	12/10/1960		270565246	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1214	Nguyễn Huỳnh Nhân	28/4/2003		Không có CMN	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1215	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		11/12/1974	271758295	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1216	Hoàng Quốc Vinh	5/15/1964		270564637	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1217	Nguyễn Thị Lanh		30/7/2003	không có CMN	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1218	Ngô Chấn Nhân		10/6/2003	272906570	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1219	Mã Kim Hằng		1/1/1971	271075335	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1220	Trần Bá Thành		09/04/1996	270816362	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1221	Lê Yến Vĩ		15/2/2000		KP3	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
1222	Nguyễn Thị Nhiễm		1950	270520683	KP2	Già neo đơn trên 60 tuổi	450.000	1.500.000	
1223	Nguyễn Thị Chính		1927	270565732	Tổ 10, Kp4	Già neo đơn trên 80 tuổi	600.000	1.500.000	
1224	Nguyễn Thị Thuý Dung (Lê Nguyễn Tường Vy 2010 Lê Nguyễn Chi Nam 2011)		12/4/1981	271463373	Kp4	hộ nghèo đơn thân nuôi con nhỏ	600.000	1.500.000	
5	PHUÔNG XUÂN TRUNG							531.400.000	
1225	Bùi Hào	26/6/1928		270816588	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1226	Bùi Thị Diệc		7/20/1924	272671126	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1227	Bùi Thị Xuyên		08/02/1934	030681774	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1228	Chiềng Minh Chấn		09/02/1935	270583926	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1229	Danh Hương	1/1/1934		270565304	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1230	Dương Thị Kiệt		3/20/1933	272397906	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1231	Đặng Thị Ta		1/1/1935	270455068	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1232	Đinh Phước Đức	1/1/1935		270521585	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1233	Đoàn Ngọc Anh	14/12/1935		264016076	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1234	Đỗ Đức Ngân	11/17/1938		270144024	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1235	Hoàng Thị Liễu		1/1/1935	271988482	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1236	Lại Văn Nụ	21/1/1936		271851179	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1237	13 Lê Thị Tiều		9/15/1939	272256015	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1238	14 Nguyễn Thanh Bình	1/1/1935		271058739	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1239	15 Nguyễn Thị Âm		10/8/1932	272204153	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1240	16 Nguyễn Thị Hồng Vân		8/12/1937	270595909	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1241	17 Nguyễn Thị Kim Anh		9/30/1937	270137046	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1242	18 Nguyễn Thị Liễu		1/1/1936	272497052	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1243	19 Nguyễn Thị Nghiêm		1/1/1932	270136499	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1244	20 Nguyễn Thị Sang		1/1/1937	270317694	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1245	21 Nguyễn Thị Sen		1/1/1924	310496142	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1246	22 Nguyễn Thị Sư		1/1/1938	270690005	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1247	23 Nguyễn Thị Toàn		12/11/1937	270774761	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1248	24 Nguyễn Thị Tường		12/02/1940	270584873	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1249	25 Nguyễn Văn Thành	1/1/1937		270536765	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1250	26 Nguyễn Văn Thi	1/1/1921		Không có	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1251	27 Nguyễn Xuân Ánh	06/01/1938		270880873	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1252	28 Phạm Ngọc Dũng	12/10/1932		270595832	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1253	29 Phạm Thị Diệu	7/25/1936		Không có	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1254	30 Phạm Thị Nga		1/1/1929	260145071	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1255	31 Sin A Ung	1/1/1930		Không có	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1256	32 Trần Bùi Minh	5/15/1934		270917240	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1257	33 Trần Quang Hiến	5/5/1930		272136899	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1258	34 Trần Thị Bôi		1/1/1926	Không có	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1259	35 Võ Thị Ngà		1/1/1937	270791663	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1260	36 Võ Thị Thiết		1/1/1936	270565301	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1261	37 Vũ Thị Yên		1/1/1933	270560528	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1262	38 Bùi Thị Công		5/12/1939	270537450	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1263	39 Dương Thị Bằng		1/1/1923	Không có	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1264	40 Đặng Thị Tất		31/12/1939	270539018	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1265	41 Đoàn Thị Lộc		1/1/1935	272790064	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1266	42 Hoàng Thị Tường		15/05/1930	Không có	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1267	43 Hồ A Vòng		6/24/1929	270031769	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1268	44 Huỳnh Thị Thu Vinh		1/1/1932	271593765	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1269	45 Lê Thị Yên		1/1/1930	270302903	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1270	46 Lý Sĩ		1/1/1926	Không có	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1271	47 Lý Thị Lang		1/1/1925	270538337	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1272	48 Nguyễn Đức Phẫu	12/10/1929		270302902	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1273	49 Nguyễn Thị Ba		1/1/1920	260328663	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1274	50 Nguyễn Thị Hạnh		1/1/1940	270538724	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1275	51 Nguyễn Thị Hào	1/1/1923		Không có	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1276	52 Nguyễn Thị Hồ		1/1/1940	270537493	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1277	53 Nguyễn Thị Hòa		1/1/1937	270539297	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1278	54 Nguyễn Thị Phấn		1/1/1935	270537951	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1279	55 Nguyễn Văn An	8/25/1938		272497233	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1280	56 Nguyễn Văn Giốc	8/8/1936		270536891	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1281	57 Nguyễn Văn Sơn	1/1/1940		270583995	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1282	58 Nguyễn Văn Sơn	1/1/1940		270538722	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1283	59 Thông Chấn Kiu		1/1/1935	271143344	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1284	60 Trần Hòa	1/1/1938		270769886	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1285	61 Trần Thị Bốn		12/10/1937	272790595	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1286	62 Trần Thị Giấy		1/1/1939	270852618	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1287	63 Trần Thị Thiên		1/1/1937	272587193	Khu Phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1288	64 Trinh Thị Mến		01/02/1923	272790200	Khu Phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1289	65 Diệp Thị Cúc		1/1/1935	270537244	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1290	66 Dương Hiền	29/11/1937		270868754	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1291	67 Đỗ Văn Thanh	24/01/1938		210339948	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1292	68 Huỳnh Thị Đào		05/02/1936	020705689	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1293	69 Huỳnh Thị Tiết		1/1/1940	270536683	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1294	70 Lai Thị Gương		1/1/1930	270536545	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1295	71 Lê Thị Thơ		1/1/1935	270539478	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1296	72 Lê Việt Quang	1/1/1935		270537243	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1297	73 Mai Thị Thùy		1/1/1932	270536602	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1298	74 Nguyễn Diệu	05/10/1935		Không có	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1299	75 Nguyễn Đình Sáu	1/1/1929		270539479	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1300	76 Nguyễn Thị Hoa		1/1/1937	270538654	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1301	77 Nguyễn Thị Kim Ánh		1/1/1939	271084137	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1302	78 Nguyễn Thị Quyết		1/1/1939	270539545	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1303	79 Nguyễn Trang	1/1/1933		272042842	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1304	80 Phạm Văn An	1/1/1939		270917589	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1305	81 Nguyễn Văn Sơn	1/1/1937		270538385	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1306	82 Phan Thế Đoàn	1/1/1939		270651949	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1307	83 Phan Thị Châm		14/3/1936	190547236	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1308	84 Sà A Sàng	4/11/1925		270567653	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1309	85 Trần Lực	1/1/1930		270537226	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1310	86 Trần Quay Phi	03/02/1940		270567668	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19		
1311	87	Trần Thị Cảnh		1/1/1936	270538046	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1312	88	Trần Thị Sơn		1/1/1937	270537124	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1313	89	Võ Thị Chiến		1/1/1939	270536655	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1314	90	Võ Thị Hoàng		1/1/1937	270536733	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1315	91	Võ Thị Lợi		1/1/1915	Không có	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1316	92	Vũ Đức Thiện		1/1/1935	272634114	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1317	93	Bùi Thị Thành		1/1/1935	270538549	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1318	94	Đào Tây		1/1/1930	270537707	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1319	95	Đỗ Thị Đạt		1/1/1926	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1320	96	Đỗ Văn Tron		11/9/1929	270137051	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1321	97	Đường Ngụ Muội		31/12/1939	270538448	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1322	98	Hầu Mộc Kiu		1/1/1934	270815098	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1323	99	Hồ Tùng		5/11/1932	270536917	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1324	100	Hồ Văn Tư		1/1/1927	270537665	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1325	101	Lê Thị Bé		1/1/1939	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1326	102	Lê Thị Lén		1/1/1935	270583597	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1327	103	Lê Thị Ngừ		1/1/1936	270536707	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1328	104	Lê Thị Sang		1/1/1934	272014339	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1329	105	Lê Thị Tích		1/1/1933	270538979	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1330	106	Lê Thị Thái		1/1/1927	270537959	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1331	107	Lông Nhi Mùi		1/1/1932	270538565	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1332	108	Lý Sỹ		1/1/1924	270564659	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1333	109	Lý Văn Tâm		1/1/1929	270537290	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1334	110	Nguyễn Đại		1/1/1939	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1335	111	Nguyễn Thị Ất		5/3/1928	210463356	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.000.000	chết tháng 5
1336	112	Nguyễn Thị Bảy		1/1/1931	270537352	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1337	113	Nguyễn Thị Chon		1/1/1932	270537735	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1338	114	Nguyễn Thị Liém		1/1/1936	270537726	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1339	115	Nguyễn Thị Miến		1/10/1939	025098863	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1340	116	Nguyễn Thị Núi		1/1/1934	270537666	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1341	117	Nguyễn Thị Nhân		1/1/1936	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1342	118	Nguyễn Thị Quý		7/25/1935	270537897	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1343	119	Nguyễn Thị Sáng		1/1/1930	272422420	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1344	120	Nguyễn Thị Tích		1/1/1925	270537679	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1345	121	Nguyễn Thị Tư		1/1/1934	270669739	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1346	122	Nguyễn Thị Thao		1/1/1929	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1347	123	Nguyễn Thị That		20/03/1939	270537349	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1348	124 Nguyễn Thị Trâm		1/1/1938	270538740	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1349	125 Nguyễn Thị Út		1/1/1932	270536648	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1350	126 Nguyễn Văn Dưỡng	1/1/1939		270537221	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1351	127 Phạm Thị Cứu		1/1/1935	270537122	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1352	128 Phạm Thị Chải		20/08/1937	270537590	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1353	129 Phạm Thị Mai		1/1/1927	270539455	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1354	130 Tẩn Sỳ		1/1/1935	270537368	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1355	131 Trần Pháp Toàn	31/12/1938		271084134	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1356	132 Trần Thái	1/1/1934		270537336	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1357	133 Trần Thị Bảy		1/1/1926	270537545	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1358	134 Trần Thị Chừ		1/1/1931	Không có	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	500.000	chết tháng 4
1359	135 Trần Thị Dạng		1/1/1937	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1360	136 Trần Thị Hôn		1/1/1930	270537395	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1361	137 Trần Thị Liễu		1/1/1936	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1362	138 Trần Thị Mai		1/1/1939	270537156	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1363	139 Trần Thị Nhan		1/1/1939	270537737	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1364	140 Trần Thị Tâm		25/07/1939	270537412	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1365	141 Trần Thị Xuân		1/1/1932	270537345	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1366	142 Trần Thị Yết		1/1/1936	270877789	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1367	143 Trần Văn Xê	1/1/1928		Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1368	144 Võ Thị Cúc		1/1/1937	270536570	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1369	145 Vòng Năm Quay	8/24/1937		270537677	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1370	146 Vũ Thị Luận		1/1/1931	270539570	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1371	147 Biêng Thị Tiếng		30/11/1937	270537825	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1372	148 Cao Thị Nura		1/1/1917	270538254	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1373	149 Din A Kiu		1/1/1935	270537769	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1374	150 Dương Thị Tâm		1/1/1937	270538692	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1375	151 Dương Văn Vĩnh	1/1/1939		270538203	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1376	152 Đặng Thị Hỷ		1/1/1921	270538695	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1377	153 Đoàn Thị Xê		1/1/1940	270537928	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1378	154 Hà Thị Sáu		1/1/1921	270538177	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1379	155 Hoàng Thái Phô	10/07/1937		271435928	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1380	156 Lê Tấn Nghiễm	1/5/1927		270538525	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1381	157 Lê Thị Nhanh		1/1/1938	270537884	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1382	158 Lê Thị Sáu		1/1/1927	270538418	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1383	159 Lê Thị Ty		1/1/1928	272423316	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1384	160 Lê Văn Kiên	1/1/1940		270537932	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1385	161 Nguyễn Bạch Yến		1/1/1932	270538893	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1386	162 Nguyễn Cương	02/07/1939		270960577	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1387	163 Nguyễn Quang	1/1/1938		270537207	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1388	164 Nguyễn Thị Bảy		1/1/1939	270537810	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1389	165 Nguyễn Thị Chắt		20/05/1930	270538836	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1390	166 Nguyễn Thị Chính		08/10/1931	Không có	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1391	167 Nguyễn Thị Chuốt		1/1/1937	270538645	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1392	168 Nguyễn Thị Dung		1/1/1932	270538794	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1393	169 Nguyễn Thị Hạp		1/1/1928	270536815	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1394	170 Nguyễn Thị Liên		1/1/1930	270537936	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1395	171 Nguyễn Thị Mót		1/1/1936	270538268	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1396	172 Nguyễn Thị Quý		1/1/1937	270536764	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1397	173 Nguyễn Thị Tiên		12/09/1937	271210022	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1398	174 Nguyễn Thị Thông		1/1/1938	272497624	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.000.000	chết tháng 5
1399	175 Nguyễn Thị Vương		1/1/1929	270669768	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1400	176 Nguyễn Văn Bảy	1/1/1938		270857040	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1401	177 Nguyễn Văn Giáo	1/1/1929		270538461	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1402	178 Nguyễn Văn Mẫn	1/1/1936		270537711	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1403	179 Nguyễn Văn Sầu	1/1/1929		270537387	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1404	180 Phạm Chon	1/1/1916		272163360	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1405	181 Phạm Hữu Hiền	1/1/1939		270538800	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1406	182 Phạm Lai	1/1/1933		270538734	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1407	183 Phạm Thị Bé	12/02/1937		271048209	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1408	184 Hà Thị Tự		3/12/1940	270565850	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1409	185 Phạm Thị Lan		05/06/1936	Không có	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1410	186 Trần Bô	1/1/1933		270537032	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1411	187 Trần Đề	1/1/1925		270537363	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1412	188 Trần Thị Lợi		1/1/1937	271469551	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1413	189 Trần Thị Mèo		1/1/1937	270538735	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1414	190 Trần Văn Miếu	12/10/1930		270539009	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1415	191 Trần Văn Y	7/6/1932		270301759	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1416	192 Trinh Thị Đường		1/1/1925	Không có	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1417	193 Trương Thị Mên		1/1/1937	285655011	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1418	194 Trương Văn Dũng	1/1/1933		270538631	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1419	195 Võ Thị Bé		1/1/1936	270537386	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1420	196 Võ Thị Có		1/1/1934	270537906	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1421	197 Võ Thị Huệ		1/1/1931	270582572	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1422	198	Võ Thị Khi		1/1/1934	270537033	Khu phố 5	300.000	1.500.000	
1423	199	Võ Thị Năm		1/1/1935	270537721	Khu phố 5	300.000	1.500.000	
1424	200	Võ Thị Năm		15/04/1940	270536770	Khu phố 5	300.000	1.500.000	
1425	201	Vòng Mã Sang		1/1/1930	271084996	Khu phố 5	300.000	1.500.000	
1426	202	Vũ Thị Ba		1/1/1933	270538112	Khu phố 5	300.000	1.500.000	
1427	203	Vũ Thị Hằng		1/1/1938	271046187	Khu phố 5	300.000	1.500.000	
1428	204	Vương Văn Lâm	01/10/1939		271113722	Khu phố 5	300.000	1.500.000	
1429	205	Cóc Hùng	25/6/1996		Không có	Khu phố 5	300.000	1.500.000	
1430	206	Đặng Hồ Thu		6/1/1985	Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1431	207	Lê Thị Hải Yến		25/12/1989	271835046	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1432	208	Lý Chấn Kiu		1/1/1964	270538011	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1433	209	Lý Trương Kiu		27/5/1966	271294526	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1434	210	Ngô Thị Thanh Mai		03/02/1979	023079869	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1435	211	Nguyễn Anh Tuấn	1/1/1966		270669513	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1436	212	Nguyễn Cửu Nghĩa	1/8/1994		Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1437	213	Nguyễn Ngọc Danh	12/15/1979		271988840	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1438	214	Trần Phú Hòa	11/7/1963		259889866	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1439	215	Trương Thanh Vinh	5/4/1992		272336990	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1440	216	Võ Thanh Quý	1/1/1981		272003615	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1441	217	Huỳnh Anh Vỹ	1/1/1972		Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1442	218	Nguyễn Văn Hoàng	1/1/1960		270536921	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1443	219	Phạm Thị Thu Hồng		26/3/1973	Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1444	220	Lê Văn Dũng	15/10/1993		Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1445	221	Mai Xuân Linh	1/20/1965		270536563	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1446	222	Trần Hoàng Thiên	1/21/1990		Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1447	223	Cây A Sắt		1/1/1966	270790946	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1448	224	Nguyễn Thế Song Nhi		25/12/1992	Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1449	225	Nguyễn Thị Kim Phương		1/1/1975	Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1450	226	Phan Văn Tâm	1/1/1968		Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1451	227	Trần Thái Thu Phong	28/10/1983		Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1452	228	Trần Tiến Đức	4/12/1996		Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1453	229	Vòng Sui Cù		11/20/1958	270567877	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1454	230	Chu Minh Thoai	1/1/1962		Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1455	231	Danh Hồng Hạnh		04/9/1967	270790972	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1456	232	Huỳnh Nguyễn Mỹ Uyên		1/1/1992	Không có	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1457	233	Nguyễn Đình Danh	16/9/1990		271851951	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1458	234	Tăng Gìn Hồng	1/1/1961		272422290	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19		
1459	235	Tô Thị Hồng Hoa		6/12/1982	271463240	Khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1460	236	Cốc Vĩnh Sênh	29/7/1945		270668150	Khu phố 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1461	237	Đoàn Thị Hồng Hới		10/11/1952	272081524	Khu phố 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1462	238	Đặng Bá Tước	15/08/1954			Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1463	239	Đỗ Thị Quảng		1/1/1931	270488797	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1464	240	Lê Thị Ba		1/1/1923	270537286	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1465	241	Trần Côn	1/1/1951		272163200	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1466	242	Trần Thị Phүй		1/1/1919	Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1467	243	Đặng Thị Hằng		1/1/1930	270538244	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1468	244	Đoàn Văn Côn	1/1/1927		270536542	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1469	245	Hồ Thị Nga		9/15/1945	272081042	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1470	246	Hồ Thị Nghĩa		27/8/1928	270537559	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1471	247	Nguyễn Thị Nư		2/10/1933	270561775	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1472	248	Đỗ Thị Đào	1/1/1922		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1473	249	Đỗ Thị Truyển		30/04/1931	190447404	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1474	250	Lê Thị Đỗ		2/1/1938	271211865	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1475	251	Nguyễn Nhiều	17/7/1932		270537300	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1476	252	Nguyễn Thị Ba		1/23/1935	270536970	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1477	253	Nguyễn Thị Đào		1/1/1937	270537291	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1478	254	Nguyễn Thị Nai	1/1/1929		270538000	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1479	255	Nguyễn Thị Núi	1/1/1938		270536809	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1480	256	Nguyễn Thị Phương	1/1/1933		270539050	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1481	257	Nguyễn Thị Thắm		10/10/1953	270538649	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1482	258	Phan Công Sĩ	1/1/1929		270538198	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1483	259	Thòng Nhi Mùi		8/2/1948	270538640	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1484	260	Trần Thùng	4/2/1934		270877790	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1485	261	Trịnh Tuấn Nhí	2/2/1926		270522291	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1486	262	Trương Thị Nhài		1/1/1928	270537703	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1487	263	Vũ Thị Yên		1/1/1937	270537208	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1488	264	Hồ Thị Phú	1/1/1948		270301756	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1489	265	Ngô Thị Quý		1/1/1933	272081067	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1490	266	Nguyễn Thị Tuyết		1/1/1947		Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1491	267	Nguyễn Thị Tường		1/1/1931	270537503	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1492	268	Nguyễn Văn Thư	21/07/1947		271836859	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1493	269	Trần Thế Hòa	10/17/1948		270868767	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1494	270	Trần Văn Đăng	10/12/1952		270537564	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1495	271	Danh Lê Cẩm Phương		29/04/2011	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1496	272 Nguyễn Thị Thủy Quỳnh		11/25/2007	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1497	273 Nguyễn Khắc Huy	16/05/2009		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1498	274 Nguyễn Ngọc Gia Hân		27/11/2008	Không có	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1499	275 Võ Minh Trí	5/9/2005		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1500	276 Đặng Thị Thùy Phương		29/09/2015	Không có	Khu phố 4	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1501	277 Tạ Nguyễn Yên Như		7/19/2003	Không có	Khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1502	278 Tô Anh Kiệt	9/2/2010		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1503	279 Đinh Thị Ngọc Lộc	10/15/1989	15/12/1967	270821440	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1504	280 Đinh Văn Hà			Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1505	281 Đỗ Thị Bích Liên		1/1/1965	270774764	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1506	282 Hồ Thị Thương		1/1/1989	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1507	283 Hồ Văn Phước	1/1/1981		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1508	284 Lê Bích Ngọc		1/2/1982	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1509	285 Lê Thị Liễu		1/1/1959	270573192	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1510	286 Nguyễn Hà Thanh Nhã		26/8/1983	271641682	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1511	287 Nguyễn Phúc Khánh	30/7/1969		270857575	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1512	288 Nguyễn Phương Hằng		1/5/1991	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1513	289 Nguyễn Quý Phương	2/10/1959	4/12/1973	271048727	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1514	290 Nguyễn Thành Phong		1/8/1951	272874457	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1515	291 Phạm Thị Hoàng Ngọc		11/15/1974	270582911	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1516	292 Phùng Hữu Nhân			272397931	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1517	293 Thân Thị Thừa		8/3/1979	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1518	294 Trần Văn Hòa	1/1/1970		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1519	295 Võ Thị Quế Minh		8/2/1977	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1520	296 La Cửu Muội	1/1/1986		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1521	297 Lê Thị Thảo		6/2/1987	Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1522	298 Nguyễn Minh Thế	25/3/1992		172860455	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1523	299 Nguyễn Thị Mỹ Linh		9/6/2000	272047211	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1524	300 Thông Xương Hồng			Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1525	301 Trần Bình Phương	2/2/1969		270857039	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1526	302 Trần Đình Cung	1/1/1976		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1527	303 Trần Thị Hồng	6/9/1957		270337289	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1528	304 Triệu Quốc Tiến	12/16/1968	11/1/1992	272262578	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1529	305 Trịnh Quốc Khánh	9/7/1983		270868666	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1530	306 Lai Tuyết Phương		2/5/1966	Không có	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1531	307 Hồ Văn Đại	31/12/1968		270951922	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1532	308 Mã Sáng	12/10/1964		270868821	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
				270561777	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1533	309 Nguyễn Phú Léc	2/28/1969		270853936	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1534	310 Trần Hữu Quyền	8/22/1972		271294598	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1535	311 Lê Hoàn Thành	20/06/1983		271601257	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1536	312 Võ Thị Phương Linh		3/12/1970	270868622	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1537	313 Đinh Thanh Duy	11/20/1983		271632743	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1538	314 Hồ Xuân Nam	2/2/2000		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1539	315 Lê Thanh Cường	1/7/1980		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1540	316 Lê Thị Hồng Khanh		2/16/1983	271469564	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1541	317 Lê Thị Thu Thủy		1/1/1964	270669702	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1542	318 Lê Vương Nguyễn	23/4/1990		271851995	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1543	319 Lý Quyên	1/1/1991		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1544	320 Nguyễn Đức Chân	1/1/1951		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1545	321 Nguyễn Đức Hà	3/11/1973		271286924	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1546	322 Nguyễn Hữu Toàn	1/1/1968		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1547	323 Nguyễn Thị Thu Hồng		5/8/1977	271286876	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1548	324 Trần Văn Dũng	9/12/1980		271404874	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1549	325 Võ Hoài Trung	14/10/1986		271717556	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1550	326 Võ Văn Quang	1/1/1962		270538785	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1551	327 Huỳnh Thị Thủy Vân		15/1/1990	271851947	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1552	328 Nguyễn Huy Chánh	5/8/1974		Không có	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1553	329 Nguyễn Ngọc Linh	1/1/1977		Không có	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1554	330 Nguyễn Quý Thanh	3/1/2001		Không có	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1555	331 Nguyễn Thị Tha		1/10/1974	Không có	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1556	332 Trần Huỳnh Như An		1/8/1985	271641269	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1557	333 Trần Thị Thu Hồng		1/1/1957	270537929	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1558	334 Võ Bạch Mai		11/27/1956	271948708	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1559	335 Võ Thanh Nhân		10/20/1990	271851868	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1560	336 Lâm Mỹ Loan		14/4/2008	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1561	337 Nguyễn Hoàng Nam	10/30/2010		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1562	338 Nguyễn Đào Anh Khoa	14/04/2011		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1563	339 Kiều Thanh Tùng	24/10/2005		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1564	340 Lương Phước Tân	3/24/2012		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1565	341 Nguyễn Thiên Nhiên		17/7/2011	Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1566	342 Trần Thị Ngọc Yến		4/2/2005	Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1567	343 Liêng Vĩnh Khang	5/6/2005		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1568	344 Trần Thiên Phước	12/20/2007		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1569	345 Trương Văn Phúc	5/28/2010		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1570	Hồ Nhứt	1/1/1949		270536624	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1571	Thái Thị Xý		1/1/1939	270537829	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1572	Nguyễn Văn Lộc	1/1/1949		270669974	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1573	Trương Minh Nhở	13/04/1952			Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1574	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh		6/9/2008	Không có	Khu phố 1	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
1575	Nguyễn Ngọc Vũ Trường Giang	7/12/2007		Không có	Khu phố 3	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
1576	Nguyễn Ngọc Hoài Nam	11/22/2005		Không có	Khu phố 5	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
1577	Lê Thu Hòa		1/5/1949	270538946	Khu phố 4	Người cô đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	450.000	1.500.000	
1578	Lê Thu Lộc		2/23/1958	270536962	Khu phố 4	Người cô đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	450.000	1.500.000	
1579	Huỳnh Văn Lực	3/23/1968		270821421	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	600.000 số	900.000đ vé số
1580	Hồ Hoàng Bạch	1/1/1967		272423453	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	600.000 số	900.000đ vé số
1581	Nguyễn Văn Hùng	25/2/1975		272081970	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	600.000 số	900.000đ vé số
1582	Tổng Thị Anh		1/1/1949	272081345	Khu phố 5	Người cô đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	450.000	600.000 số	900.000đ vé số
6	PHƯỜNG PHÚ BÌNH								
1583	1 Chènh A Kiu		1931	270540423	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1584	2 Chènh Ứng Mùi		23/01/1928	270540384	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1585	3 Chông Sý		1928	270790829	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1586	4 Đinh Thị Vương		1928	270540974	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1587	5 Đường Thành Huy	1926		270540883	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1588	6 Giảng A Mùi		1925	270540405	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1589	7 Giảng Vĩnh Sáng	1/8/1930		270961851	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1590	8 Hà Viết Cát	1929		270539737	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1591	9 Hoàng Thị Tương		1931	27039676	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1592	10 Hoàng Thị Tương		1929	270540800	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1593	11 Huỳnh Nam Hưng	1930		270540058	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1594	12 Lê Thị Tâm		1927	270541988	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1595	13 Liều Thị Hồ		1930	270541993	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1596	14 Lữ Thị Xa		1929	270540431	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1597	15 Lý Sý		1919	270540348	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1598	16 Nguyễn Thị Chúc		1925	270540363	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1599	17 Nguyễn Thị Hời		1931	272003075	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1600	18 Nguyễn Văn Mùi	1931		270540301	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1601	19 Nhang Sý Nhi		13/07/1927	270540563	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tỷ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1602	20 Nông Sau Lân	1921			Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1603	21 Tang A Vò	1930		270791054	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1604	22 Trần Đình Mỹ	18/07/1925		270540395	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1605	23 Trần Thị Thanh		1/10/1930	272014205	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1606	24 Trần Văn Liên	1931			Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1607	25 Vòng Cẩm Phi	1930		270540973	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1608	26 Vòng Cầu Mùi		1930	270940841	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1609	27 Nguyễn Thị Tường		1932	270540513	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1610	28 Lê Thị Mai		1932	270540394	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1611	29 Phạm Thị Quyên		1932	270542133	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1612	30 Nguyễn Thị Mùi		1932	270540956	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1613	31 Nguyễn Văn Luân	1932		270540105	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1614	32 Đoàn Thị Xứ		1932	270540409	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1615	33 Chàng Hồi Kỳ	1932		270575063	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1616	34 Lê Thị Cúc		1932	272497997	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1617	35 Phan Văn Hưng	9/9/1932		270540871	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1618	36 Nguyễn Thị Thuận		1933	270542045	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1619	37 Nguyễn Thị Hoàng		1933	200443154	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1620	38 Đinh Thị Lang		1933	272422308	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1621	39 Trần Thị Hiền		1933	270540062	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1622	40 Phạm Văn Danh	1934		270574128	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1623	41 Nguyễn Thị Đình		1934	270574099	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1624	42 Nguyễn Thị Sáu		1934	270572423	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1625	43 Lê Thị Nghĩa		1934	270540296	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1626	44 Lý Tấn Tài	1934		270540220	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1627	45 Tsân ứng Mùi		1925		Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1628	46 Phan Kinh	1931		270961920	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1629	47 Che A Nhoc		13/10/1928		Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1630	48 Tăng Trường Mùi		1934	270540013	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1631	49 Nguyễn Thị Tâm		19/11/1934		Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1632	50 Lương Thị Sáu		1934		Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1633	51 Đặng Văn Tục	1935		270542143	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1634	52 Lê Thị Lại		1935		Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1635	53 Vòng Thị Ginh		1935	270542219	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1636	54 Nguyễn Thị Nho		1935	272336602	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1637	55 Nguyễn Thị Phời		1935	270574108	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1638	56 Bùi Thị Di		1935	270540487	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1639	57 Nhin A Kiu		1935	270540340	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1640	58 Phạm Thị ý		10/9/1930	170109470	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1641	59 Nguyễn Ngươn	10/4/1930		272003092	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1642	60 Nguyễn Thị Hoàng		1936		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1643	61 Hà Văn Xăng	1936		272163052	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1644	62 Vòng A Nhì	1936		270540389	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1645	63 Hồ Thị Thơi		1936		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1646	64 Châu Ngọc Mỹ		23/3/1936	270583565	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1647	65 Nguyễn Thị Du		4/4/1936		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1648	66 Nguyễn Văn Túc	20/5/1936		270540863	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1649	67 Lê Hữu Mông	1/9/1936		190520085	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1650	68 Nguyễn Thị Dung		10/10/1936	270646668	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1651	69 Huỳnh Thị Năm		1933	270540101	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1652	70 Đoàn Ngọc Sơn	1937		271321494	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1653	71 Nguyễn Thị Lang,		1937	270540213	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1654	72 Chu Bắc Kiu		1937	270540888	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1655	73 Chàng Cầu Mùi		1937	270540924	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1656	74 Văn Thị Hồng Kỳ		2/2/1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1657	75 Nguyễn Thị Tâm		6/5/1937	270540692	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1658	76 Sãn Năm Đình		20/08/1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1659	77 Chè Vòng Cù		22/08/1937	270540494	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1660	78 Vòng A Kiu		20/10/1937	270540386	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1661	79 Tăng Thị Thanh		1/1/1938	270539775	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1662	80 Trần Thâm	1/1/1938			KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1663	81 Phạm Thành Đông		1/1/1938	270574072	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1664	82 Nguyễn Thị Bảy		28/02/1938	270540113	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1665	83 Lê Thị Liễu		20/4/1938	271851114	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1666	84 Trần Thị Gân		11/5/1938	270540404	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1667	85 Ứng Tài Hỷ		11/8/1938	270539646	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1668	86 Nguyễn Thị Anh		4/18/1935		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1669	87 Lê Thị Cam		20/10/1938		Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1670	88 Nguyễn Thị Thảo		1939	270574016	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1671	89 Phạm Kim Điện		1939	270574143	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1672	90 Lý Thái Anh		20/2/1039	270540807	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1673	91 Võ Thị Hoa		1939		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1674	92 Nguyễn Thị Lan		16/5/1939		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1675	93 Phạm Sỹ Be	26/5/1939		270541900	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1676	94 Dương Thị Lê		20/10/1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1677	95 Lâm Sanh		14/9/1939	270574142	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1678	96 Trần Văn Niên	19/9/1939		270573614	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1679	97 Trần Thị Đề		7/11/1939	270574102	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1680	98 Bùi Thị Mao	2/6/1939		272255339	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1681	99 Nguyễn Thị Dưa	1/1/1940		270540549	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1682	100 Nguyễn Thị Niệm	1/1/1940		270574080	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1683	101 Trần Thị Rach		1/1/1940	270539727	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1684	102 Dương Thị Lê Sương		1/1/1940	272042024	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1685	103 Hoàng Dung	1937			KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1686	104 Lê Thị Tân		1938	271758793	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1687	105 Trần Phú	1930		272397918	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1688	106 Phan Thị Truyên		1936	270540953	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1689	107 Lý Thanh	1965		270540286	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1690	108 Thông A Mùi		1934	271041505	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1691	109 Huỳnh Minh Thuận	13/05/2011			KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1692	110 Trần Nhân Sinh	23/12/2005			KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1693	111 Phan Sông Như		5/7/2010		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1694	112 Lây Anh Thư		5/11/2011		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1695	113 Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		28/12/1981	271502243	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1696	114 Đặng Thị Thủy Dung		14/03/1993	272352942	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1697	115 Nguyễn Ngọc Hân	27/04/1984		271988755	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1698	116 Nguyễn Thị Thùy Liên		21/04/1986		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1699	117 Hà Phước Danh	20/07/1983		271502208	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1700	118 Nguyễn Thị Thu Sương		1988	272109915	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1701	119 Siên Cùn Dương	1961		270540577	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1702	120 Nguyễn Thanh Trung	1989			KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1703	121 Phan Đình Tâm	1988		272042309	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1704	122 Nguyễn Thị Ngọc Anh		31/10/1993		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1705	123 Nguyễn Thị Thục Uyên		1996		KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1706	124 Huỳnh Bá Phi	1964		270791122	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1707	125 Thố Hai	8/7/1962		270540673	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1708	126 Lê Thị Huống		10/6/1969	190436715	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1709	127 Trần Duy Việt	12/5/1972		271075366	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1710	128 Mai Văn Lang	10/4/1949		270651590	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1711	129 Nguyễn Văn Bảy	1935		270540070	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1712	130 Võ Thị Ngẫu		1936	270540339	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1713	131 Nguyễn Văn Mông	1950		272496923	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1714	132 Thông Sám Múi		1954		Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1715	133 Huỳnh Thị Đức		1955	272634021	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1716	134 Chàng Kinh Nặng	31/8/1956			KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1717	135 La Hiền Thương	14/1/1955		270983118	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1718	136 Nguyễn Văn Chừ	1944			KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1719	137 Phạm Huy Hùng	18/8/1954		270541954	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1720	138 Khưu Thị Tư		1930	270578682	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1721	139 Vòong A Kiu		1946		KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1722	140 Nguyễn Minh Hoàng	10/3/2011			KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1723	141 Phan Anh Khoa	13/12/2006			KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1724	142 Đinh Thị Phương		24/2/2013		KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1725	143 Chiềng Tuyết Lam		11/7/2008		KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1726	144 Dương Thiên Phúc	7/9/2012			KP1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1727	145 Ngô Tâm Như		6/8/2012		KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1728	146 Hà Thị Minh Thùy		21/11/1973	271075356	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1729	147 Trần Số Ra	1985		271603732	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1730	148 Dương Tân Lợi	27/10/1985			KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1731	149 Ưông Văn Quang	1962		272496647	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1732	150 Bùi Tư Bảo Long	1979		272397994	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1733	151 Trần Thanh Sơn	1959		270378617	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1734	152 Nguyễn Thị Ngọc Loan		1/9/1975	271526088	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1735	153 Liu Lây Mùi		18/7/1990	271896476	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1736	154 Sỹ Sau Hồng	7/6/1983		273131955	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1737	155 Vong Minh Thắng	19/09/1989		272137794	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1738	156 Thạch Phone La	1/1/1991			KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1739	157 Hà Xuân Hào	18/12/1961		270527717	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1740	158 Trần Thị Hằng		1/1/1970	271917032	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1741	159 Trần Thị Yến Thanh		7/7/1958	270136226	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1742	160 Vong A Lợi	1/3/1963		270540212	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1743	161 Lê Văn Tiếng	1971			KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1744	162 Nguyễn Vũ Thủy Tiên		14/04/2002		KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1745	163 Hoàng Anh Minh	1/11/2002			KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
7	PHƯỜNG BẢO VINH							775.000.000	
1746	1 Bùi Thị Chức		01/01/1929		10B, BVinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1747	2 Bùi Văn Hồ	1932		272081259	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1748	3 Btr Ninh	6/11/1936		272256062	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1749	4 Cao Văn Kinh	01/01/1936		270551482	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1750	5 Cao Thị Thu		1926	270551789		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1751	6 Cao Thị Bê		1/1/1940	270552424	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1752	7 Cẩm Tài	1/1/1940		270551168	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1753	8 Chấn A Kiếu	01/01/1920		270550810	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1754	9 Chấn Chiến Sáng	1/1/1936		270550458	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1755	10 Chế Vinh	2/3/1938		272081787	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1756	11 Đặng Phòng	18/10/1935		272042314	tổ 1a, BV/A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1757	12 Đặng Phước Lành	01/01/1925		20097786	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1758	13 Đặng Thị Sanh		2/4/1939	270552132	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1759	14 Đình Hùng Trảng	5/11/1934		270551394	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1760	15 Đình Viết Cự	01/01/1936		272042412	tổ 7, BV/B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1761	16 Đình Thị ìa		1928	270551633	Ấp R.L.ôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1762	17 Đình Thị Luyến		1932	270551620	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1763	18 Đình Thị Thêm	1933		270960338	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1764	19 Đình Thị Tư		01/01/1927	270983281	7a, B.VinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1765	20 Đình Thị Được		1/1/1937	270551253	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1766	21 Đình Thị Kiên		15/5/1937	270552385	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1767	22 Đình Thị Nhi		1/1/1940	270961080	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1768	23 Đình Thị Huế		1/1/1940	272256492	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1769	24 Đỗ Thành Thới	20/10/1934		271758704	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1770	25 Đỗ Thành Trường	01/01/1925		270550831	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1771	26 Đỗ Thị Ba		1934	272163441	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1772	27 Đoàn Thị Thăng		17/3/1935	270551846	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1773	28 Đào Thị Rý	16/06/1938		270551226	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1774	29 Đoàn Thị Yên		1/4/1939	270551769	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1775	30 Dương Cù	1/1/1935		270564434	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1776	31 Dương Kên	1/1/1935		272163985	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	500.000	chết tháng 4
1777	32 Dương Văn Năm	01/01/1928		320289255	2A, B.VinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1778	33 Dương Thị Minh Nguyệt		1936	270119852	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1779	34 Hà Văn Khảm	8/2/1935		271631163	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1780	35 Hồ Thị Cúc		1932	270552182	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1781	36 Hồ Thị Tinh		20/12/1932		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1782	37 Hồ Xá	1/1/1934		270983389	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1783	38 Hồ Thị Hiệp		9/9/1939	270852996	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1784	39 Hồ Văn Se	1/1/1940		270550793	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1785	40 Hồ Thị Châu		2/2/1940	272136853	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1786	41	Hồ Hữu Vui	16/03/1940		270551164	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1787	42	Hồ Thị Hồng		6/4/1940	272752931	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1788	43	Hoàng Ngọc Mai		01/01/1926	270668329	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1789	44	Hoàng Phúc An	1933		272497170	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1790	45	Hoàng Thị Kỳ		01/01/1927	270134657	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1791	46	Hoàng Thị Thoại		2/3/1935	272496562	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1792	47	Hoàng Văn Long	15/4/1933		270983767	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1793	48	Hứa Tráng	15/04/1937		272137785	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1794	49	Huỳnh Đức	01/01/1925		272003387	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1795	50	Huỳnh Như Cái	1/1/1935	1932	270550467	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1796	51	Huỳnh Thị Thắng			270550635	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1797	52	Huỳnh Văn Thành			270550433	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1798	53	Huỳnh Thị Thi	01/01/1928			Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1799	54	Huỳnh Kim Hoa		10/8/2016	270550617	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1800	55	Huỳnh Thị Cúc		15/03/1939	270551484	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1801	56	La Tò	1/1/1935	1/1/1940	270980835	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1802	57	La Thị Sau		1/1/1940	270551487	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1803	58	Lâm Thị Hương		01/01/1925	210210497	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1804	59	Lâm Văn Vân	1/1/1935		272163904	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1805	60	Lâm Sâm Mui		17/2/1937	270551702	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1806	61	Lê Bồn	20/07/1935		270552438	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1807	62	Lê Chải	01/01/1930		272081383	IAB Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1808	63	Lê Gia Phở	1931		270983298	Áp R. Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1809	64	Lê Kim Kiên		01/01/1927	270551316	8A.BV Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1810	65	Lê Lang	20/6/1934		270551994	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	500.000 chết tháng 4
1811	66	Lê Phúc Lưỡng	1932		270552735	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1812	67	Lê Tấn Thiệu	01/01/1919		360799282	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1813	68	Lê Thị Bầy		1/1/1934	270551627	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1814	69	Lê Thị Lài		01/01/1927	270552360	4C. Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1815	70	Lê Thị Thành		1/1/1935	270564373	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1816	71	Lê Thị Tiên		1932	270983494	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1817	72	Lê Thị Vĩnh		1931	270551607	Áp R. Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1818	73	Lê Văn Nhân	01/01/1929		205402867	26. Áp BVA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1819	74	Lê Viết Mãng	10/8/1936		271108871	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1820	75	Lê Văn Thiển	1935		271801414	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1821	76	Lê Thị Hiền		1/1/1937	272014401	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000
1822	77	Lê Thị Quế		1/1/1937	270552185	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1823	Lê Thị Mèo		1/1/1937	270550700	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1824	Lê Thị Xưa		2/3/1937	270980981	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1825	Lê Thị Diệp Hương		20/03/1937	270552787	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1826	Lê Thị Đồi		5/3/1937	270551355	Ấp R.Lôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1827	Lê Thị Ân		3/8/1937	272030705	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1828	Lê Cảnh Đại		20/03/1939	270983560	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1829	Lưu Thị Trí		21/10/1939	270550342	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1830	Lương Nhi Mùi		01/01/1929		13A. Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1831	Lương Thị Bốn		01/01/1927	270980873	6C. Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1832	Lương Thị Dì		01/01/1930	27397839	Ấp R.Lôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1833	Lương Thị Tươi		01/01/1931	270551595	19. Ấp R.Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1834	Lương Văn Tiền		1/1/1937	272634185	Ruộng Lôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1835	Lương Văn Sung		1/1/1939	270572227	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1836	Lý Thị Châu		15/12/1939	270564389	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1837	Lý Văn Bé		1/1/1934	270880912	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1838	Mai Diễm		1931	270551714	Ruộng Lôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1839	Mai Nghi		01/01/1920		Ruộng Lôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
95	Mai Thị Xếp		1/1/1937	270537660	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1841	Ngô Thị Đào		01/01/1943	272723223	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1842	Ngô Thị Phương		01/01/1931	270551785	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1843	Ngô Thị Quới		1931	200597302	Ấp R.Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1844	Ngô Hữu Lại		1936	270550636	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1845	Ngô Thị Hồng		2/2/1938	270552283	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1846	Ngô Thị Hợp		1/1/1939	270942958	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1847	Ngô Thị Dư		1/1/1940	270983526	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1848	Nguyễn Anh		01/01/1928	272163068	15A. Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1849	Nguyễn Đỗ		01/01/1930	270980953	3B. B.VinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1850	Nguyễn Luom		01/01/1921	272496963	S.Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1851	Nguyễn Mậu Hiền		01/01/1930	270716128	30.B.VinhB	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1852	Nguyễn Thanh Bình		1/1/1935	270551720	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1853	Nguyễn Thị Bán		01/01/1920	270551338	Ruộng Lôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1854	Nguyễn Thị Cát		01/01/1923	270950891	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1855	Nguyễn Thị Cừu		1/1/1934	270537514	Ruộng Lôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1856	Nguyễn Thị Đạt		1935	270552723	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.000.000	Chết TS/2020
1857	Nguyễn Thị Gái		01/01/1923		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1858	Nguyễn Thị Giấy		1931	270383806	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1859	114 Nguyễn Thị Khóa		1932		Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1860	115 Nguyễn Thị Kiểm		1927		Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1861	116 Nguyễn Thị Lầu		01/01/1923			Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1862	117 Nguyễn Thị Lê		1933		Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1863	118 Nguyễn Thị Lý		01/01/1936		tổ 2, suối chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1864	119 Nguyễn Thị Mãng		4/16/1905		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1865	120 Nguyễn Thị Mỹ		01/01/1933		tổ 2a, BVA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1866	121 Nguyễn Thị Năm		20/10/1935		tổ 20, BVA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1867	122 Nguyễn Thị Nhị		01/01/1930		15A Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1868	123 Nguyễn Thị Nhi		01/01/1930		10. BVinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1869	124 Nguyễn Thị Nương		01/01/1930		1A. BVinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1870	125 Nguyễn Thị Oai		1/1/1934		Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1871	126 Nguyễn Thị Phú		01/01/1926		6A. Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1872	127 Nguyễn Thị Thân		10/1933		Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1873	128 Nguyễn Thị Tháo		1/1/1935		tổ 2, BVA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1874	129 Nguyễn Thị Thị		01/01/1936		Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1875	130 Nguyễn Thị Tinh		1933			Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1876	131 Nguyễn Thị Tý		01/01/1930		07.B. VinhB	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1877	132 Nguyễn Thị Út	1929	01/01/1929		11.Áp B. Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1878	133 Nguyễn Thị Vân		01/01/1927		25.Áp R.Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1879	134 Nguyễn Tuất	1929			Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1880	135 Nguyễn Văn Bình	1926			Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1881	136 Nguyễn Văn Cơ	1929			Áp R.Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1882	137 Nguyễn Văn Cư	1930			Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1883	138 Nguyễn Đình Sáo		01/01/1931		Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1884	139 Nguyễn Văn Biền	1935			Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1885	140 Nguyễn Thị Khuyên		10/05/1935		Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1886	141 Nguyễn Văn Hoa	1936			Áp Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1887	142 Nguyễn Thị Xiêm		17/06/1936		Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1888	143 Nguyễn Thị Mua		6/8/1936		Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1889	144 Nguyễn An Mỹ	5/12/1936			Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1890	145 Nguyễn Thị Na		1/1/1937		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1891	146 Nguyễn Giáp	1/1/1937			Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1892	147 Nguyễn Thị Nôi		1/1/1937		Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1893	148 Nguyễn Thị Lọc		1/1/1937		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1894	149 Nguyễn Hữu Văn	16/2/1933			Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1895	150 Nguyễn Thị Mạc		01/01/1928		Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hệ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đôi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1896	151 Nguyễn Đình Quả	1/1/1937		272874521	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1897	152 Nguyễn Đình Tân	10/2/1937		272335811	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1898	153 Nguyễn Đình Hoàng	5/4/1937		272163410	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1899	154 Nguyễn Thị Điện		15/04/1937	220254427	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1900	155 Nguyễn Thị Thanh		1/2/1937	272874812	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1901	156 Nguyễn Thị Tùng		1/1/1937	272790501	14, Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1902	157 Nguyễn Văn Tâm	3/7/1937		270551399	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1903	158 Nguyễn Thị Phở		20/10/1937	270564612	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1904	159 Nguyễn Thị Đức		1/1/1938	270551373	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1905	160 Nguyễn Tuấn	1/1/1938		272614778	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1906	161 Nguyễn Đình Đồng	1/1/1938		271988571	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1907	162 Nguyễn Văn Ké	1/1/1938			Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1908	163 Nguyễn Thị Yên	3/7/1938	3/7/1938	271897583	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1909	164 Nguyễn Thị Phấn		16/06/1938		Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1910	165 Nguyễn Thị Mậu		1/1/1939	271975216	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1911	166 Nguyễn Thị Thân		1/1/1939	270852931	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1912	167 Nguyễn Thị Phú		1/1/1939	272497002	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1913	168 Nguyễn Thị Phòng		15/04/1939	270551333	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1914	169 Nguyễn Duy Tân	15/05/1938		270079996	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1915	170 Nguyễn Thị Mối		10/5/1939	272081247	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1916	171 Nguyễn Thị Dung		27/07/1939	272255510	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1917	172 Nguyễn Xuân Ba		12/12/1939	272558224	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1918	173 Nguyễn Thị Thu Hà		1/1/1940	272003395	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1919	174 Nguyễn Thị Phiếm		1/1/1940	270552448	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1920	175 Nguyễn Văn Quấn	1/1/1940		270551432	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1921	176 Nguyễn Thị Ngát		1/1/1940	270552017	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1922	177 Nguyễn Thị Hai		1/1/1940	270551480	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1923	178 Nguyễn Thị Suối		1/1/1940	272549274	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1924	179 Nguyễn Thị Trì		1/1/1940	270552572	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1925	180 Nguyễn Thị Xứng		1/1/1940	270538831	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1926	181 Nguyễn Thị Lê Xuân		14/03/1940	272014921	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1927	182 Nguyễn Thị Mai		11/3/1940	190063332	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1928	183 Nguyễn Thị Giới		1/1/1940	270980823	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1929	184 Nguyễn Văn Quý		1/1/1940	271988806	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1930	185 Nguyễn The	20/04/1940		270980827	Ruộng Hới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1931	186 Phạm Thị Huệ		1933	272255526	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1932	187 Phạm Thị Phương		01/01/1930	270584575	26.B VinhB	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
1933	188 Phạm Thị Tâm		01/01/1931	270551286	15A.Ấp R.Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1934	189 Phạm Thị Y		1933	190035208	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1935	190 Phạm Văn Thôn	1/1/1935		270690346	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1936	191 Phạm Tá	1/1/1937		270852933	Ấp R.Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1937	192 Phạm Phú Thê	3/1/1937		270584189	Ấp BVB	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1938	193 Phạm Thị Kim xuyên		3/10/1937	270573365	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1939	194 Phạm Văn Mai	7/4/1939		270551727	Ấp R.Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1940	195 Phạm Thị cường		10/5/1939	272335832	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1941	196 Phạm Thị Như		1/1/1940	272003776	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1942	197 Phạm Thị Long		4/4/1940	272137911	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1943	198 Phan Anh Nô	10/10/1934		270552282	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1944	199 Phan Thị Chuông		01/01/1927	272352634	1A.BVinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1945	200 Phan Bá Đậu	1936		272042464	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1946	201 Phan Thị Thơm		1/1/1937	270550427		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1947	202 Phan Thị Minh		1/1/1937	270552474	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1948	203 Phan Thị Nghiễm		1/1/1937	270551390	Ấp R.Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1949	204 Phan Văn Lơ	13/08/1937		271917020	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1950	205 Phan Thị Giàu		1/1/1938	272790683	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1951	206 Phan Thị Việt Hồng		1/1/1938	271461923	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1952	207 Phan Thị Uyên		14/05/1938	272752583	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1953	208 Phan Tấn Thiết	25/03/1940		271831999	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1954	209 Thị Bồng		01/01/1921	270551034	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1955	210 Thị Hê		01/01/1935	270552513	tổ 27, RLớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1956	211 Thị Ngộ		1935	270552566	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1957	212 Thị Phụng		01/01/1936	270552715	tổ 17, BVB	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1958	213 Thị Lé		1/1/1937	270551448	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1959	214 Thái Ngọc Đình		1/1/1937	270852890	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1960	215 Thái Ngọc Mai	10/10/1938		270852995	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1961	216 Thái Kiêm Hoài	4/7/1939		270551662	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1962	217 Thông A Mùi		26/7/1934	270552123	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1963	218 Thông Xương Đậu	01/01/1927			Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1964	219 Trần Ban	01/01/1930		271835885	25.Ấp R.Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1965	220 Trần Đức Trọng	1933		270551176	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1966	221 Trần Lạc	1932		210835101	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1967	222 Trần Đình Lộc	01/01/1936		272163259	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1968	223 Trần Đức Châu	01/01/1936		270550705	tổ 10, BVB	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1969	224 Trần Thanh Bảo	1933		272030501	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	